

Tư tưởng trị nước của Nguyễn Bình Khiêm

Lê Thị Hương*

Tóm tắt: Tư tưởng trị nước là một trong những tư tưởng nổi bật của Nguyễn Bình Khiêm. Nội dung cơ bản của tư tưởng đó là: trị nước phải theo đường lối vương đạo; trị nước phải lấy dân làm gốc; trị nước phải xóa bỏ bất công. Trong tư tưởng trị nước của Nguyễn Bình Khiêm có nhiều nội dung giá trị đối với thực tiễn quản lý nhà nước ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Nguyễn Bình Khiêm; tư tưởng; trị nước.

1. Mở đầu

Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585), tự là Hanh Phủ, hiệu là Bạch Vân cư sĩ, có tên gọi khác là Nguyễn Văn Đạt, quê ở Trung Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Ông là một nhà tư tưởng lớn, một chính khách có uy tín, một nhà giáo xuất chúng. Tư tưởng của ông có sự ảnh hưởng mạnh mẽ trong suốt gần thế kỷ XVI, thế kỷ có những biến động chính trị lớn lao trong lịch sử Việt Nam. Một trong những tư tưởng nổi bật của ông là tư tưởng trị nước. Tư tưởng trị nước của ông tuy đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu nhưng vẫn cần tiếp tục được làm rõ hơn vì nhiều nội dung vẫn còn giá trị đối với thực tiễn quản lý nhà nước ở nước ta hiện nay.

2. Trị nước phải theo đường lối vương đạo

Vào thập kỷ đầu của thế kỷ XVI, nhà nước tập quyền phong kiến Lê Sơ bước vào thời kỳ suy thoái. Chính quyền Lê Sơ ngày càng mục nát. Trong triều, các phe phái tranh giành quyền lợi và địa vị lẫn nhau. Từ năm 1542 đến 1592, đất nước lâm vào cảnh nội chiến giữa hai phe lớn là Nam triều và Bắc triều. Sau cuộc nội chiến giữa Nam

triều và Bắc triều là sự phân tranh Trịnh - Nguyễn. Hậu quả của các cuộc nội chiến đó là non sông bị chia cắt; đất nước triền miên trong loạn lạc; sản xuất bị đình trệ; nhiều sức người và sức của bị tiêu hủy; nhân dân sống trong cảnh đói khổ, sưu cao, thuế nặng; xã hội loạn lạc, trộm cắp hoành hành; quan lại tham lam; sự suy thoái về đạo đức và lối sống trở nên phổ biến và trầm trọng từ trên xuống dưới, từ trong gia đình ra ngoài xã hội.

Sống trong cảnh non sông đất nước bị chia cắt, nội chiến kéo dài, đời sống nhân dân cơ hàn, Nguyễn Bình Khiêm cảm thấy xót xa. Ông coi nỗi khổ của nhân dân là nỗi khổ của chính bản thân mình. Ông mơ ước đất nước được thái bình, thịnh trị, nhân dân được sống trong cảnh ấm no, thanh bình; trên có vua sáng, dưới có tôi hiền, mọi người cư xử với nhau một cách chân thật, hòa nhã: “Hà thời tái đồ Đường Ngu trị/Y cự kiện không nhất thái hòa” (Bao giờ lại thấy đời Nghiêu Thuấn/Xoay lại kiện khôn buổi thái hòa) [2, tr.267]. Đó là mục đích của tư tưởng trị nước của Nguyễn Bình Khiêm.

(*) Tiến sĩ, Đại học Tây Bắc. ĐT: 0914942223.
Email: huongkien.sl@gmail.com

Giống như nhiều nhà yêu nước trước đó trong lịch sử dân tộc, Nguyễn Bình Khiêm chủ trương trị nước không theo con đường bá đạo mà theo con đường vương đạo. Bởi vì theo ông, bá đạo là đường lối sử dụng chiến tranh, các bên tham chiến dùng những thủ đoạn chiến tranh để tranh hùng, xưng bá. Chiến tranh phá hoại cuộc sống yên bình; đẩy dân chúng vào cảnh đầu rơi máu chảy thành sông, xương chất thành núi; đem lại vì lợi ích của một nhóm hay tập đoàn người trong xã hội, chứ không vì lợi ích chung của đại đa số quần chúng nhân dân. Nguyễn Bình Khiêm chỉ rõ: “Chém giết nhau hoài nửa sát thương/... Dân đen trải loạn lìa tan tác” [2, tr.302], hay: “Bạo hình tàn vật hại dân/Họa lan núi cũng âm âm lửa thiêu” [2, tr.312]. Chiến tranh làm cho luân thường đạo lý lỏng lẻo, theo đó giá trị đạo đức trong xã hội đảo lộn. Ông đã thấy: “Đời này nhân nghĩa tựa vàng mười/Có của thì hơn hết mọi lời/Người, của lấy cân ta nhắc thử/Mới hay rằng của nặng hơn người” [3, tr.75], “Cương thường ngày một suy sụp, lỏng lẻo/Lễ nghĩa than ôi ngang trái/Mũ lọng theo đó đảo ngược/Thờ vua, tôi chẳng ra tôi/Thờ cha, con chẳng ra con” [2, tr.439]. Trị nước theo đường lối vương đạo sẽ đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Nó thể hiện bản chất nhân văn sâu sắc. Đường lối vương đạo chính là đường lối chính trị yêu nước, thương dân.

Trong lịch sử tư tưởng phương Đông nói chung và lịch sử tư tưởng Việt Nam nói riêng đã có nhiều người chủ trương trị nước theo con đường vương đạo (ở Trung Quốc có Chu Văn Vương, Khổng Tử, Mạnh Tử... ở Việt Nam có Nguyễn Trãi...). Khổng Tử sử dụng đường lối Đức trị, lấy đức trị người. Để thực thi Đức trị, theo Khổng Tử, cần phải có một mẫu người cảm quyền thích hợp. Đó là mẫu người quân tử với những tiêu chuẩn về tài đức nhất xứng đáng được nắm quyền trị dân. Đức

của người quân tử là “lấy nghĩa làm gốc, theo lễ mà làm, nói năng khiêm tốn, nhờ thành tín mà nên việc” [3, tr.260]. Mạnh Tử kế thừa và phát triển tư tưởng của Khổng Tử, đã nhất quán trong quan niệm lấy nhân đức làm nguyên tắc chỉ đạo chính trị của mình. Ông đề cao nhân nghĩa trong trị nước. Nguyễn Trãi cụ thể hóa tư tưởng của Khổng Tử, Mạnh Tử trong điều kiện lịch sử Việt Nam thế kỷ XV. Đường lối trị nước của Nguyễn Trãi là lấy nhân nghĩa để cảm hóa con người, lấy đức trị người. Qua đây cho thấy, những người theo đường lối đức trị coi trọng vai trò của đạo đức, chủ trương quản lý xã hội chủ yếu bằng đạo đức, đề cao vai trò của người quân tử. Xuất phát từ thực tiễn của dân tộc, kế thừa giá trị các tư tưởng trị nước trước đó, Nguyễn Bình Khiêm chủ trương thực hiện trị nước theo đường lối vương đạo mà cốt lõi lấy đức trị làm đầu - cai trị dân bằng đạo đức chứ không phải bằng bạo lực. Sở dĩ như vậy bởi theo ông: “Cổ lai nhân giả tư vô địch” (Xưa nay nhân giả là vô địch) [2, tr.305].

Từ cuộc sống cơ hàn của nhân dân, từ sự suy thoái đạo đức trong đời sống xã hội do hậu quả của những cuộc chiến để lại, Nguyễn Bình Khiêm nhận thấy rằng cần phải thiết lập một nền chính sự mới thì thiên hạ mới ổn định. Mô hình xã hội mà Nguyễn Bình Khiêm nêu ra chính là mô hình xã hội Đường Ngu: một xã hội thái bình không có chiến tranh, cướp giết: “Trộm đẹp, giáp binh thôi giỡn múa/Xuân về đồng ruộng lại xanh rờn” [2, tr.332]; nhân dân, nhất là dân nghèo, được sống no đủ, trên có vua sáng, dưới có tôi hiền, con người chân thành hòa mục, giàu lòng nhân ái; lấy đạo đức làm phương tiện quản lý xã hội. Để xây dựng được xã hội theo mô hình Đường Ngu, Nguyễn Bình Khiêm rất coi trọng bậc quân vương và đạo đức của bậc quân vương. Ông từng khẳng định: “Đế vương nhân nghĩa chan

hòa” [2, tr.338]. Thực chất của đức trị trong tư tưởng Nguyễn Bình Khiêm là đòi hỏi người trị dân - bậc quân vương - phải có đạo đức, phải nêu gương đạo đức để cho dân theo. Để gánh vác được sứ mệnh của thời đại, bậc quân vương phải hội tụ đủ đạo và đức. Đạo của bậc quân vương là tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Còn đức của bậc quân vương là nhân, trí, dũng, trong đó nhân là đức cơ bản nhất, quan trọng nhất. Nhân là người, yêu thương người, phải sống cho ra người. Nhân là đức tính tối cao, khiến con người trở thành người nhất. Con người có đức nhân là mẫu người lý tưởng. Trí của bậc quân vương thể hiện ở sự hiểu biết. Hiểu biết để xử lý các tình huống một cách đúng đắn trong mọi hoàn cảnh, để giúp người mà không hại đến mình. Dũng của bậc quân vương thể hiện ở tinh thần sẵn sàng hy sinh bản thân mình để bảo vệ lẽ phải, bảo vệ lợi ích của nhân dân. Để đạt đạo và đức bậc quân vương phải tu thân. Tu thân là tu dưỡng bản thân sao cho ít tham vọng cá nhân, phải nghiêm với chính mình. Tu thân cũng là để đạt nhân. Nếu bậc quân vương không tự sửa mình thành nhân thì làm việc chính không có kết quả, bởi “Nước bền tu đức là đầu” [2, tr.336]. Không chỉ tu thân mà bậc quân vương phải ái nhân, yêu thương con người, phải có lòng bao dung và độ lượng. Không chỉ vua mới phải tu thân mà những người giúp vua cũng phải tu thân, bởi họ là những người lo chính sự trị quốc, bình thiên hạ.

Tư tưởng trị nước theo đường lối vương đạo của Nguyễn Bình Khiêm thật lý tưởng và rất cần thiết. Đây là một tư tưởng nhân đạo, nhân văn, tiến bộ hơn so với các tư tưởng trị nước khác. Tuy nhiên, tư tưởng của ông về vấn đề này vẫn còn những hạn chế nhất định. Đó là Nguyễn Bình Khiêm lại có niềm tin mãnh liệt vào đức thiện của bậc quân vương, coi đó là cơ sở của đường lối vương đạo lấy

đức trị làm đầu. Ông không thấy rằng trong lúc nước nhà loạn lạc, đang cần có một đường lối để nhanh chóng ổn định xã hội mà dùng đức để cảm hóa thì thật ảo tưởng. Ông đã quá đề cao vai trò của đạo đức, quá tin vào đức thiện của bậc quân vương mà không thấy được vai trò của pháp luật trong việc ổn định xã hội. Ông không đưa ra được cơ chế để buộc những bậc quân vương cùng những người thuộc tầng lớp cai trị trong xã hội phải tuân theo đạo đức mà chỉ trông chờ vào sự tự giác của mỗi người. Ông cũng không thấy hết được bản chất của cuộc chiến giành quyền bá chủ xảy ra liên miên thì đạo đức không thể lay chuyển được tình thế. Chính vì quá đề cao đạo đức nên đã có lúc Nguyễn Bình Khiêm hăng hái ra giúp nhà Mạc với niềm hy vọng góp phần đem lại một nền chính sự mới, đem lại cảnh thái bình. Nhưng xét cho kỹ niềm hy vọng của ông chẳng qua cũng là niềm hy vọng của một trí thức phong kiến mà thôi.

3. Trị nước phải lấy dân làm gốc

Dân là gốc của nước là tư tưởng chính trị xuyên suốt trong lịch sử dân tộc Việt Nam đã được lịch sử dân tộc kiểm chứng. Chỉ khi nào chính quyền an dân, vì dân, trọng dân thì nước thịnh, khi nào chính quyền xa dân, xem thường dân thì nước suy. Dân là gốc của nước trở thành một triết lý chính trị, định hướng, quyết định sự hưng thịnh hay suy vong của dân tộc. Tư tưởng chính trị này đã được nhiều nhà yêu nước cùng các vương triều phong kiến coi trọng và vận dụng thành công trong công cuộc củng cố quyền lực, tập hợp sức mạnh của nhân dân trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Trong lịch sử Việt Nam, tư tưởng trị nước lấy dân làm gốc đã được nhiều người đề cập đến. Trần Hưng Đạo cho rằng cần “khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng

sách”. Nguyễn Trãi cho rằng, “lật thuyền cũng là dân và chở thuyền cũng là dân” cho nên “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”, cùng với đó, triều đình cần phải có những chính sách đối nội, đối ngoại hợp lòng dân. Lê Thánh Tông quan tâm đến nhân dân thông qua chủ trương “quả dục”. “Quả dục” là phải tu dưỡng sao cho ít tham vọng cá nhân để khỏi làm hại đến lợi ích của dân, của nhà nước phong kiến. Đồng thời với đó, Lê Thánh Tông đưa ra chính sách hạn chế chế độ điền trang thái ấp mà mở rộng liên minh kinh tế để phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Ngô Sĩ Liên là người rất đề cao lòng dân. Ông cho rằng nếu có dân ủng hộ thì mọi việc đều thắng lợi, không có dân ủng hộ thì mọi việc có thể bị thất bại. Chính vì vậy, để an dân thì cần phải tiết kiệm sức dân, làm cho dân đông, dân giàu. Nhìn chung những nhà tư tưởng này chủ trương rằng, chính sách của triều đình phải căn cứ vào lòng dân, lòng người, những người cai trị dân phải bao dung độ lượng, cảm hóa những người làm đường lạc lối, phải giữ gìn mối quan hệ hòa hảo với nước láng giềng.

Nguyễn Bình Khiêm xuất thân từ tầng lớp trên của xã hội, chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của Nho giáo, kế thừa tư tưởng thân dân của dân tộc, có cuộc sống gắn bó với nhân dân nên tư tưởng trị nước của ông có nội dung lấy dân làm gốc. Ông chỉ ra rằng: “Cổ lai quốc dĩ dân vi bản/Đắc quốc ưng tri tại đắc dân” (Xưa nay nước lấy dân làm gốc/Được nước nên hay bởi được dân) [Dẫn theo: 5, tr.432], hoặc “Biết trọng dân, phản loạn chẳng sinh” [2, tr.336]. Từ xưa đến nay dân bao giờ cũng là gốc của nước, có dân mới có nước, có nước mới có vua, ý dân là ý trời. Lòng dân là yếu tố quyết định sự tồn vong của vương triều. Trong nước, khi chính sự khắc nghiệt, thuế khóa nặng nề, binh cách quá nhiều, quan lại tham nhũng, trăm họ phiêu bạt, trăm họ đói khát khiến lòng dân

bất an chính là cái thế nguy hiểm cho vương triều. Tuy nhiên, làm thế nào để có dân làm gốc là vấn đề không phải lúc nào người cầm quyền cũng có thể thực hiện được. Dưới chế độ tư hữu phong kiến, lợi ích vật chất gắn liền với địa vị, điều đó đã làm cho các bậc vua chúa, tầng lớp quan lại lợi dụng chức quyền, vơ vét của cải để làm giàu. Khái quát lịch sử, ông khuyên nhà cầm quyền; không được tham lam; đừng vì tiền bạc mà mất lòng dân; phải quan tâm đến dân (“Quân vương như hữu quang minh chúc/Ứng chiếu cùng lưu bộ ốc dân”, nghĩa là nếu như vua có bó đuốc sáng thì nên soi đến dân ở nơi nhà nát xóm nghèo [7, tr.359]); phải thấy được nỗi thống khổ của nhân dân (“Gặp nên cơ cận tai ương/Lưu ly khôn đốn không đường dung thân” [2, tr.312]); phải cảm thông với nỗi khổ của dân (“Quận xót dân con vòng đói rét” [2, tr.310]); phải nhận thấy sinh mệnh của dân chúng là rất trọng (“Dân vận vi chí trọng” [2, tr.421]); phải vứt bỏ cảnh “Đáo và mộc tua tua bày ra trước mắt” [2, tr.305]; phải chấm dứt những hành động tàn ác, bạo ngược đối với nhân dân; phải đưa ra những quyết sách để an dân; những quyết sách đưa ra phải hướng vào quần chúng nhân dân (như phải giảm nhẹ tô thuế cho dân, đắp đê chống lụt, bảo vệ sản xuất cho nhân dân, triều đình phải cứu vớt những người nghèo khổ...). Nguyễn Bình Khiêm quan tâm đến dân không phải bằng lời lẽ khéo léo, sáo rỗng, vì ông cảm được nỗi thống khổ của quần chúng nhân dân (“Dắt vợ bế con đi/Lưu li vứt bỏ trẻ nhỏ/Già ốm lẫn xuống ngòi rãnh/Chết đói nằm đầy cổng làng” [dẫn theo 5, tr.437]). Ông nhận thấy nguyên nhân của nỗi thống khổ trên là do giặc quý (“Tàn sát hữu quý tặc... Nhưng đoạt phi ký hóa”, nghĩa là có sẵn loài giặc quý thích tàn sát... Cướp đoạt tài sản không phải là của chính mình) [2, tr.423, 424]). Tư tưởng trên của Nguyễn Bình Khiêm có tính nhân văn cao

cả. Nguyễn Bình Khiêm là một nhà nho có tấm lòng ưu quốc ái dân. Trong hai phạm trù dân và quốc thì dân được coi trọng hơn. Ông hiểu được ước vọng của dân, thông cảm với nỗi đau khổ vật chất và tinh thần của dân. Ông vui với cái vui của dân, lo về cái lo của dân. Quan điểm coi dân làm gốc nước của Nguyễn Bình Khiêm không xuất phát từ thái độ cảm thông của bề trên đối với kẻ dưới, không dừng lại ở tình cảm xót thương, mà xuất phát từ chính sự nhận thức sâu sắc của ông về lịch sử dựng nước và giữ nước, sự loạn lạc, nội chiến kéo dài. Lấy dân làm gốc chính là đường lối trị nước thể hiện lòng yêu nước, thương dân của Nguyễn Bình Khiêm. Hoàn cảnh xuất thân và nội dung giáo dục đã không khiến Nguyễn Bình Khiêm bảo vệ lợi ích của giai cấp phong kiến mà bảo vệ lợi ích của nhân dân. Với ông, không phải cần gắn quyền lợi của nhân dân với quyền lợi của nhà vua mà phải gắn quyền lợi của nhà vua với quyền lợi của nhân dân, phải lấy việc đảm bảo đời sống của nhân dân làm cơ sở cho sự hưng thịnh của vương triều, sự trường tồn của dân tộc.

Douyên thâm về lý học, cùng với sự kết hợp nhuần nhuyễn triết lý nhân sinh quan Nho giáo cho nên Nguyễn Bình Khiêm có cách ứng xử đặc biệt đối với vua quan. Đương thời, các tập đoàn phong kiến thường đến hỏi ông về thời cuộc cũng như những đối sách và chính sách. Ông không hề dấu giếm. Nhưng không kẻ nào trong số đó dám thực hiện đường lối trị nước của ông bởi vì đường lối trị nước của họ đối lập với quyền lợi của dân.

4. Trị nước phải xóa bỏ bất công

Khi chế độ phong kiến lâm vào suy thoái thì những mặt hạn chế của nó ngày càng bộc lộ ra đầy đủ hơn: trong xã hội đầy rẫy những bất công; kẻ loạn nghịch xuất hiện ngày càng nhiều; kẻ lợi dụng chức quyền để tham ô của

cải của nhà nước ngày càng tăng; kẻ lười nhác, ăn chơi sa đọa nhiều hơn người lương thiện; những hiện tượng tranh giành quyền, lợi, vô nhân đạo diễn ra ở mọi lúc, mọi nơi (người ta “tranh nhau cái danh” [2, tr.461], “giành nhau cái lợi” [2, tr.461], thấy “người chết đói dọc đường, không dám bỏ một đồng tiền ra cứu giúp” [2, tr.461], “Được thời thân thích chen nhau đến/Thất thế, hương lư ngoảnh mặt đi/Thốt có thanh tao ruồi đậu đến/Áng không mặt mỡ, kiến bò đi” [2, tr.38]). Về sự chênh lệch lớn giữa mức sống giữa các nhà quyền quý và người dân ông viết: “Tì thiếp đua mặc gấm mặc là/Dụng cụ đồ dùng đúc đồ sơn/Cửa sổ phòng ở rực sáng như sao chi chít/Kho đụn ăm ắp kẻ nhau như cái răng lược” [2, tr.428], “Bếp họ Thạch có dê béo/Sữa người cho lợn uống/Giọt nước tròn giò từ con cóc ngọc/Gỏi chả từ cá chép, cá giếc vàng/Liễn bung vào canh chim sẻ vàng/Mâm bông dâng lên nem gà gô/Tiền đáng giá vạn không thêm nhúng dưa/Chán ngấy vị ngon nồng của tám thứ quý” [2, tr.442]. Về cảnh khổ cùng của người dân, ông viết: “Chẳng khác chim bị mất tổ/Giống hệt cá bị máu dồn xuống đuôi/ Lúc ấy như thế là cùng cực/Sinh dân quá ư tiêu tụy” [2, tr.442], “Áo quần rách rưới khó che thân thể/Vết xanh, vết niêu, thức ăn khó no bụng” [2, tr.429]. Thực trạng đó làm Nguyễn Bình Khiêm cảm thấy: “Ngán nhìn đời đục buổi bon chen” [2, tr.273].

Để xóa bỏ được những hiện tượng tiêu cực đó, ông kêu gọi các bậc quân vương phải nhận thức rõ vai trò của người trị quốc của mình là xây dựng và giữ gìn một xã hội thái bình, giàu lòng nhân ái (“Tôi và vua phải có nghĩa Để xóa bỏ được những hiện tượng tiêu cực đó, ông kêu gọi các bậc quân vương phải nhận thức rõ vai trò của người trị quốc của mình là xây dựng và giữ gìn một xã hội thái với nhau/Cha và con cái tình thân tốt độ/Chồng và vợ, kẻ xướng có kẻ tùy/Anh và

em, người cung thì có người để/Chơi với nhau phải giữ vững niềm tin” [2, tr.438, 439]). Ông đòi hỏi bậc đế vương phải nâng cao nhân nghĩa (“Tối thi đế vương nhân nghĩa cử” [2, tr.336]). Ông kêu gọi mọi người hãy theo tấm gương của thánh hiền để phát huy bản tính thiện mà trời phú cho con người như ít dục vọng, phải suy xét điều mình làm, phải lấy lòng thành làm chỗ dựa, chớ cho rằng vì “điều thiện nhỏ mà không làm”, vì “điều ác nhỏ mà cứ làm” [2, tr.464] nhằm góp phần làm cho xã hội ngày càng văn minh.

Nguyễn Bình Khiêm muốn xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, bất công trong xã hội, vực lại đạo đức đang suy đồi với hy vọng rằng qua đó có thể chấn chỉnh lại kỷ cương và xây dựng lại chế độ. Tư tưởng đó của ông không được đông đảo quan lại trong triều hưởng ứng. Trong cả cuộc đời ở chốn quan trường, ông đã không thực hiện được ước muốn của mình. Cuối đời, ông về quê, lập am Bạch Vân, mở trường dạy học bên bờ sông Hàn. Ông khuyến khích nhân dân vui làm việc thiện, không tham lam, biết độ lượng, bao dung với người khác. Ông hy vọng rằng qua sự nghiệp giáo dục của mình có thể gián tiếp đem lại sự ổn định trong xã hội. Tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm mặc dù không được đông đảo giai cấp thống trị đương thời chấp nhận nhưng đã có ảnh hưởng khá sâu sắc đến một bộ phận không nhỏ quan lại, nho sĩ và nhân dân. Họ tôn thờ ông, kính phục ông và coi ông là tấm gương lớn suốt đời họ nguyện noi theo.

5. Kết luận

Tư tưởng trị nước của Nguyễn Bình Khiêm có nhiều nội dung tiến bộ. Tuy nhiên, ông vẫn chưa thấy được vai trò sáng tạo ra lịch sử của quần chúng nhân dân, vẫn chưa tin vào sức mạnh của quần chúng nhân dân (mà lại tin vào vua hiền trị nước, tin vào một

tầng lớp sĩ phu đi theo con đường chính nghĩa). “Ông đã phủ nhận tính năng động chủ quan của con người, ông khuyên con người ta từ bỏ đấu tranh, sống “đĩ hòa vi quý” [1, tr.187]. Vì thế mà trước sự rối ren của xã hội, ông đã đi ở ẩn, lánh đời. Xóa bỏ những tàn tích tiêu cực trong xã hội là một trong những việc phải làm. Để thực hiện được việc đó phải xuất phát từ chính quan hệ vật chất của đời sống xã hội. Nhưng Nguyễn Bình Khiêm không nhận thấy điều đó mà ông lại kêu gọi sự tu thân, sửa đức của tầng lớp quan lại. Đây là một giải pháp không tưởng. Chính vì thế tư tưởng của ông không trở thành hiện thực. Đó là hạn chế của ông. Mặc dù vậy, mục đích tối thượng trong tư tưởng trị nước của Nguyễn Bình Khiêm là xây dựng một đất nước thống nhất, hòa bình; là làm cho nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Chính điều đó đã nâng ông lên tầm cao của thời đại và mãi mãi lịch sử tôn kính.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Hùng Hậu (Chủ biên) (2002), *Đại cương lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam*, t.1, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đinh Gia Khánh (Chủ biên) (2005), *Thơ Nguyễn Bình Khiêm*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Hiến Lê (Chủ dịch và giới thiệu) (1995), *Luận ngữ*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [4] Bùi Văn Nguyên (Giới thiệu) (1989), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Bùi Duy Tân (2000), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết nửa đầu thế kỷ XVIII*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Trần Thị Băng Thanh, Vũ Thanh (2001), *Nguyễn Bình Khiêm về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Tài Thư (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

